

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 322/2024/HS-ST
Ngày: 31-12-2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Thị Bích Hồng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đặng Quang Hoạch**

Bà **Đỗ Thị Hồng Nhung**

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Trần Phú Lộc** - Kiểm sát viên.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 300/2024/HSST ngày 05 tháng 11 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 303/2024/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 104/2024/HSST-QĐ ngày 10/12/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Đức T**, sinh năm: 1985; Tên gọi khác: Nguyễn; Giới tính: Nam; Nơi sinh: Tuyên Quang; Nơi đăng ký thường trú: Thôn A, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; Chỗ ở hiện nay: Đường A, ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Họ tên cha: Nguyễn Văn T1 (đã chết); Họ tên mẹ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1950; Gia đình bị cáo có 03 anh chị em, bị cáo là con út. Họ tên vợ: Trần Thị Bích H, sinh năm 1992; Có 03 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2024.

Tiền án: Tiền sự: Không.

Bị cáo bị giam giữ từ ngày 17/7/2024 (*Có mặt*).

- Bị hại: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1992. Địa chỉ: Tổ A, ấp P, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Người làm chứng: Ông Đoàn Quốc B, sinh năm 1988.

(Ông H1, ông B vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đức T là người lao động tự do, có mối quan hệ quen biết với anh Đoàn Quốc B, T giới thiệu với anh B mình là nhà báo, có quan hệ với nhiều người là lãnh đạo các cơ quan trên địa bàn huyện T và có khả năng lo được tất cả việc xây dựng trái phép trên địa bàn huyện T. Vào khoảng đầu tháng 7/2024, anh B nói với T về việc anh Nguyễn Văn H1 (bạn của B) xây dựng nhà xưởng trái phép trên thửa đất nông nghiệp số 510, tờ bản đồ số 10 tại ấp T, xã B, huyện T nên đã bị UBND xã B ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính và yêu cầu trả lại hiện trạng ban đầu của thửa đất trước khi vi phạm. Anh B nhờ T xin giấy phép cho anh H1 tiếp tục được xây dựng nhà xưởng trên thửa đất nông nghiệp trên. Mặc dù T không có thẩm quyền, nhiệm vụ liên quan đến việc cấp phép xây dựng đồng thời cũng không có khả năng giúp anh H1 được cấp giấy phép tiếp tục xây dựng nhà xưởng trên đất nông nghiệp nhưng do đang cần tiền để tiêu xài nên T đã nhận giúp anh H1 được phép xây dựng nhà xưởng. Quá trình tiếp xúc với anh H1 và B, T thường mở các bài báo về xây dựng và bịa đặt là do T viết, đăng bài và nói T có rất nhiều mối quan hệ quen biết với cán bộ cấp xã, địa chính, Bí thư, Chủ tịch xã, huyện đồng thời nhiều lần Thưởng cho anh H1, B xem tin nhắn zalo giữa Thưởng với các cán bộ nêu trên để tạo niềm tin với anh H1 và B. T nói anh H1 phải đưa cho T số tiền 200.000.000 đồng để Thưởng lo thủ tục cấp giấy phép xây dựng hợp pháp cho anh H1 và yêu cầu anh H2 đưa trước 100.000.000 đồng, 100.000.000 đồng còn lại sau khi anh H1 xây dựng xong sẽ đưa. Anh H1 tin tưởng T có khả năng giúp mình được xây dựng nhà xưởng hợp pháp trên đất nông nghiệp mà không bị xử phạt nên anh H1 đồng ý. Sau khi chuẩn bị tiền xong, anh H1, B điện thoại cho T và hẹn 17 giờ ngày 17/7/2024 gặp nhau tại quán “Âm thực quán” thuộc khu phố E, thị trấn T, huyện T để giao tiền cho T. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, T, anh H1, anh B gặp nhau tại quán “Âm thực quán”, T sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A02S màu xanh, IMEI 3518644516641959 gắn sim số 0398655279 gọi điện thông qua ứng dụng Zalo (có mở loa ngoài mục đích cho tất cả cùng nghe) cho bà Trần Thị N là Chủ tịch UBND xã B và nói chuyện với chị N nội dung liên quan đến nội dung xây dựng nhà trái phép nhằm mục đích để anh H1 tin tưởng T có khả năng giúp H1 được xây dựng hợp pháp. Sau khi thấy T nói chuyện với bà N xong thì anh H1 lấy ra 01 (một) bọc đen bên trong có 100.000.000 đồng (gồm mệnh giá 200.000 đồng và 500.000 đồng) và đếm tiền trước mặt T rồi đưa cho T. Khi nhận được tiền thì T nói: *“Giờ để anh cầm tiền về lo ở xã, khi nào lo được em đưa cho anh tiếp 100.000.000 đồng”*. Sau khi đưa tiền xong thì anh H1 về trước, còn T và anh B tiếp tục ở lại quán nhậu tiếp. Khi về đến nhà anh H1 kể lại sự việc đã lo được việc xây dựng nói trên cho một số người bạn của mình thì nghĩ rằng mình bị T lừa để chiếm đoạt tiền nên tố giác hành vi nêu trên của T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T. Sau khi tiếp nhận tố giác về tội phạm, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đến quán “Âm thực quán” thuộc khu phố E, thị trấn T, huyện T bắt quả tang Nguyễn Đức T khi đang giữ số tiền 100.000.000 đồng.

Vật chứng thu giữ gồm: số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng) trong túi quần bên phải; 01 bóp da màu nâu bên trong có số tiền 10.183.000 đồng, 09 tờ tiền USD gồm 07 tờ tiền mệnh giá 1 USD, 01 tờ tiền mệnh giá 2 USD, 01 tờ tiền mệnh giá 10 USD; 01 căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe hạng A1; 01 thẻ ngân hàng A; 01 thẻ ban phóng viên; 01 giấy chứng nhận phóng viên tạp chí văn hóa doanh nghiệp Việt Nam, tất cả đều mang tên Nguyễn Đức T (cả hai thẻ phóng viên trên đều đã hết hạn sử dụng); 05 điện thoại di động gồm: 01 điện thoại di động Iphone 14promax màu tím không gắn sim (không hoạt động); 01 điện thoại Nokia màu hồng IMEI 353482155735700 gắn sim số 0363560079; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A02S màu xanh, IMEI 3518644516641959 gắn sim số 0398655279; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8Plus màu vàng gold, IMEI 356768084062498 gắn sim số 0398335279; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Reno 11F, màu xanh, số IMEI 1: 867528075091878, số IMEI2: 867528075091860, gắn sim số: 09338917168; 01 đồng hồ bằng kim loại mặt sau có chữ SAPPIIRE 3ATM JAPAN MOVT 8926G và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển số 60H1-48627.

Trước Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T, Nguyễn Đức T đã khai nhận hành vi phạm tội nêu trên phù hợp lời khai bị hại, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu thu thập tại hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 299/CT-VKS-TB ngày 30 tháng 10 năm 2024, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom giữ nguyên quyết định truy tố theo bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền 100.000.000 đồng là tiền của anh Nguyễn Văn H1 đưa cho T để nhờ Thuởng lo giúp việc xây dựng trên đất nông nghiệp, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh H1 là phù hợp;

- Đối với điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A02S màu xanh, IMEI 3518644516641959 gắn sim số 0398655279 là tài sản cá nhân của T sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, đề nghị Tòa tuyên tịch thu sung công.

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển số 60H1-48627 là tài sản riêng hợp pháp của chị Trần Thị Bích H (vợ của Nguyễn Đức T), khi T dùng xe mô tô trên để đi thực hiện hành vi phạm tội, chị H không biết nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị H là phù hợp;

- Đối với số tiền 183.000 đồng; 09 tờ tiền USD (gồm 07 tờ tiền mệnh giá 1 USD, 01 tờ tiền mệnh giá 2 USD, 01 tờ tiền mệnh giá 10 USD); 01 căn cước công dân; 01 giấy phép lái xe hạng A1; 01 thẻ ban phóng viên; 01 giấy chứng nhận phóng viên tạp chí văn hóa doanh nghiệp Việt Nam; 01 thẻ ngân hàng A cùng mang tên Nguyễn Đức T; 01 (một) điện thoại di động Iphone 14promax màu tím không gắn sim (không hoạt động); 01 (một) điện thoại Nokia màu hồng IMEI 353482155735700 gắn sim số 0363560079; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8Plus màu vàng gold, IMEI 356768084062498 gắn sim số 0398335279; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Reno 11F, màu xanh, số IMEI 1: 867528075091878, số IMEI2: 867528075091860, gắn sim số: 09338917168; 01 (một) đồng hồ bằng kim loại mặt sau có chữ SAPPIIRE 3ATM JAPAN MOVT 8926G, là tài sản của T và không sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho T;

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Văn H1 đã nhận lại tiền và không có yêu cầu gì khác về dân sự.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là sai, kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và truy tố bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị hại anh Nguyễn Văn H1 đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa tuy nhiên vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt bị hại.

[3] Bị cáo Nguyễn Đức T là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo khai nhận: Vào ngày 17/7/2024 tại khu phố E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai, Nguyễn Đức T mặc dù không có thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ liên quan đến công tác quản lý việc xây dựng trên đất nông nghiệp. Nhưng T đã thực hiện hành vi đưa ra những thông tin gian dối như

bản thân là phóng viên, có quan hệ với nhiều cán bộ, lãnh đạo công tác trên địa bàn huyện T có chức năng, thẩm quyền trong việc cấp giấy phép xây dựng trên đất nông nghiệp và T có khả năng tác động các cá nhân, cơ quan có thẩm quyền giúp anh Nguyễn Văn H1 được xây dựng công trình nhà xưởng hợp pháp trên thửa đất nông nghiệp số 510, tờ bản đồ số 10 tại ấp T, xã B, huyện T nhằm mục đích làm cho anh H1 tin tưởng là thật và chiếm đoạt của anh H1 100.000.000 đồng.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Như vậy hành vi của bị cáo Nguyễn Đức T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, số tiền bị cáo chiếm đoạt lớn, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương. Bị cáo có khả năng nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do có tư tưởng muốn hưởng thụ, muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để tiêu xài nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, bất chấp sự trừng trị của pháp luật nên cần áp dụng hình phạt tù mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có mẹ là người có công với cách mạng nên được áp dụng là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

[8] Về biện pháp tư pháp:

- Đối với số tiền 100.000.000 đồng là tiền của anh Nguyễn Văn H1 đưa cho T để nhờ Thương lo giúp việc xây dựng trên đất nông nghiệp, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh H1 là phù hợp;

- Đối với điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A02S màu xanh, IMEI 3518644516641959 gắn sim số 0398655279 là tài sản cá nhân của T sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung công.

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển số 60H1-48627 là tài sản riêng hợp pháp của chị Trần Thị Bích H (vợ của Nguyễn Đức T), khi T dùng xe mô tô trên để đi thực hiện hành vi phạm tội, chị H không biết nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị H là phù hợp;

- Đối với số tiền 183.000 đồng; 09 tờ tiền USD (gồm 07 tờ tiền mệnh giá 1 USD, 01 tờ tiền mệnh giá 2 USD, 01 tờ tiền mệnh giá 10 USD); 01 căn cước công dân; 01 giấy phép lái xe hạng A1; 01 thẻ ban phóng viên; 01 giấy chứng nhận phóng viên tạp chí văn hóa doanh nghiệp Việt Nam; 01 thẻ ngân hàng A cùng mang tên Nguyễn Đức T; 01 (một) điện thoại di động Iphone 14promax màu tím không gắn sim (không hoạt động); 01 (một) điện thoại Nokia màu hồng IMEI 353482155735700 gắn sim số 0363560079; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8Plus màu vàng gold, IMEI 356768084062498 gắn sim số 0398335279; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Reno 11F, màu xanh, số IMEI 1: 867528075091878, số IMEI2: 867528075091860, gắn sim số: 09338917168; 01 (một) đồng hồ bằng kim loại mặt sau có chữ SAPPIIRE 3ATM JAPAN MOVT 8926G, là tài sản của T và không sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho T.

[9] Về án phí: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội và bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T **03 (Ba)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/7/2024.

2. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

T2 tịch thu sung công 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A02S màu xanh đã qua sử dụng, IMEI 3518644516641959, kèm theo sim có số seri 8984048000930157398.

(Các vật chứng nêu trên đang tạm giữ tại biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 01/11/2024 giữa Công an huyện T và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom).

3. Về án phí tòa án: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Đức T phải nộp 200.000 (*Hai trăm ngàn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Đức T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại anh Nguyễn Văn H1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Bích Hồng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Quang H3 – Đinh Xuân Dậu Bùi Thị Bích H4

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Bích Hồng

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Bích Hồng

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Xuân D – T

Bùi Thị Bích H4